

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2021

V/v: “Chia tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thống.

Ông Hà Quốc Trung.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa:
Bà Hà Minh Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc "Chia tài sản sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 21/TB-TA ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966.

Trú quán: Thôn T, xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Bị đơn: Ông Hoàng Công T, sinh năm 1964

Trú quán: Thôn T, xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình chuẩn bị xét xử, bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Công T thống nhất trình bày:

Bà H và ông T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 174/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Thời điểm đó ông bà đã thỏa thuận tự thỏa thuận về tài sản chung và công nợ chung, tuy nhiên sau đó ông bà đã không tự thỏa thuận giải quyết về tài sản được nên nay bà H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Bà H và ông T tranh chấp 3 khối tài sản đều có địa chỉ tại thôn T, xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, như sau:

- Khối tài sản thứ nhất gồm: 65m² đất ở theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 045312 và 52,5m² đất trồng cây hàng năm khác theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 045311 đều do UBND huyện Yên Bình cấp ngày 05-7-2010 mang tên hộ ông Hoàng Công T - Bà Nguyễn Thị H; trên hai thửa đất này có một nhà xây cấp 4, bếp và công trình phụ trợ khác;

- Khối tài sản thứ hai: 2.122m² đất rừng sản xuất theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 415668 do UBND huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái cấp ngày 31-12-2009 mang tên hộ ông Hoàng Công T – Bà Nguyễn Thị H, trên đất có trồng cây keo từ năm 2015;

- Khối tài sản thứ ba: 2.074m² đất rừng sản xuất theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 415678 do UBND huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái cấp ngày 31-12-2009 mang tên hộ ông Hoàng Công T – Bà Nguyễn Thị H; trên đất có cây keo trồng từ năm 2015.

Bà H và ông T đều xác định không có nợ chung.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị H về việc chia tài sản chung như sau: Bà H xác định cả 3 khối tài sản nêu trên là tài sản chung, trong đó nguồn gốc khối tài sản thứ nhất là tài sản được tạo lập từ công sức của vợ chồng; đối với khối tài sản thứ hai và khối tài sản thứ ba thì quyền sử dụng đất là của bố mẹ đẻ ông T cho, còn cây trên đất là do vợ chồng cùng trồng. Bà H có nguyện vọng được sử dụng khối tài sản thứ nhất vì hiện tại sức khỏe yếu, không thể làm nhà ở nơi khác được; đối với khối tài sản thứ hai và thứ ba, đề nghị Tòa án giao cho ông T; các bên phải chích chia chệnh lệch tài sản cho nhau.

Ý kiến của ông T về việc chia tài sản: Ông T công nhận khối tài sản thứ nhất là tài sản chung vợ chồng, ông T không có nguyện vọng sử dụng khối tài sản này mà đề nghị giao cho con trai. Đối với khối tài sản thứ hai và thứ ba thì ông T cho rằng về quyền sử dụng đất là của bố mẹ ông T nên không nhất trí chia; cây keo trên hai khối tài sản này là tài sản chung vợ chồng thì ông nhất trí chia cho hai với chồng theo quy định của pháp luật.

Theo đề nghị của bà Nguyễn Thị H, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, kết quả như sau:

- Khối tài sản thứ nhất là một thể thống nhất, không chia đôi theo hiện vật được vì đất trồng cây hàng năm khác nằm phía sau tiếp giáp với đất ở; trên hai thửa đất này có nhà xây cấp 4, nhà bếp và các công trình phụ trợ khác được xây thành một thể thống nhất, việc chia tách sẽ phá vỡ kết cấu công trình và không đảm bảo giá trị sử dụng;

Diện tích đất ở đo thực tế đủ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sau khi trừ diện tích 46,2 m² (diện tích này đã được Nhà nước đền bù cho đương sự) nằm trong hành lang đường điện 35kv; diện tích đất trồng cây hàng năm thừa 33,9 m² so với giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình xem xét thẩm định tại chỗ xác định không có tranh chấp, có đủ điều kiện được cấp quyền sử dụng đất; Trị giá quyền sử dụng đất của khối tài sản thứ nhất là 181.680.000đồng; trị giá các công trình xây dựng trên hai thửa đất này (nhà, bếp, công trình phụ trợ khác) là 59.268.388 đồng;

- Khối tài sản thứ 2: Diện tích đất đo thực tế là 1.461,8m² có giá trị là 21.927.000đồng. Diện tích đất giảm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T, bà H đã đổi 1 phần đất là 660,2m² cho hộ khác nhưng chưa thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất; các đương sự không đề nghị chia phần diện tích đất 660,2m² này;

Trị giá cây keo trên diện tích 1.461,8m² đất là 19.780.000đồng;

- Khối tài sản thứ ba: Thiếu 14 m² so với diện tích trong giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất – Do sai số trong quá trình giao đất trước đó nhưng hiện trạng danh giới không thay đổi; sau khi trừ 631m² (diện tích này đã được Nhà nước đền bù cho đương sự) nằm trong hành lang đường điện 110kv và 60m² diện tích cột điện cao thế (diện tích này đã được Nhà nước đền bù cho đương sự); Diện tích đất còn lại là 1.369m² có giá trị là 20.535.000đồng.

Trị giá cây keo trên 1.369m² đất này là 8.288.000đồng.

(Có sơ đồ kèm theo)

Tổng giá trị 3 khối tài sản là: **311.478.388đồng** (*Ba trăm mười một triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm tám mươi tám đồng.*

Chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 1.790.000đồng và chi phí định giá tài sản với số tiền là 3.900.000đồng.

Căn cứ Công văn số: 238/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 01-03-2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện các giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Hoàng Công T và bà Nguyễn Thị H thuộc quyền sở hữu, định đoạt và quản lý của ông Hoàng Công T và bà Nguyễn Thị H.

* Tại phiên tòa:

- Bà H vẫn giữ nguyên ý kiến của mình;

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật

của những người tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị H đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Hoàng Công T chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 2 Điều 147, khoản 3 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 33, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Viện kiểm sát xác định khối tài sản thứ nhất là tài sản chung vợ chồng do công sức vợ chồng tạo lập ra nên được chia đôi giá trị sử dụng cho mỗi bên nhưng về hiện vật giao cho bà H sử dụng;

Khối tài sản thứ hai và thứ ba là tài sản chung vợ chồng nhưng quyền sử dụng đất có nguồn gốc của bố mẹ ông T nên xác định ông T có công sức đóng góp nhiều hơn nên chia cho ông T 2/3 giá trị; cây keo trên khối tài sản thứ hai và thứ ba là tài sản chung vợ chồng nên chia đôi giá trị cho vợ chồng; tuy nhiên về hiện vật giao cho ông T sử dụng khối tài sản thứ hai và thứ ba;

Các bên phải chích chia chênh lệch tài sản cho nhau.

+ Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Buộc các đương sự phải chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá theo quy định của pháp luật.

+ Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Công T phải chịu tiền án phí chia tài sản chung theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái giải quyết việc Chia tài sản sau khi ly hôn của bà và ông Hoàng

Công T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa ngày 29-4-2021 ông Hoàng Công T đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Đến phiên tòa ngày hôm nay (ngày 17-6-2021) ông Hoàng Công T đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng ông Hoàng Công T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Xét yêu cầu chia tài sản của bà Nguyễn Thị H:

- Đối với khối tài sản thứ nhất: Các đương sự đều xác định là tài sản chung do công sức của vợ chồng tạo ra nên được chia đôi về giá trị; Về hiện vật căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ không chia đôi được nên xét bà H có nguyện vọng và nhu cầu sử dụng, ông T không có nhu cầu sử dụng nên giao khối tài sản thứ nhất cho bà Nguyễn Thị H là phù hợp.

- Đối với khối tài sản thứ hai và thứ ba:

Đối với diện tích đất giảm trừ các đương sự không yêu cầu chia nên không xét;

Xét diện tích đất tranh chấp đo thực tế (sau khi đã trừ diện tích giảm trừ vì các nguyên nhân nêu ở phần nội dung bản án): Các đương sự đều thừa nhận có nguồn gốc của bố mẹ đẻ ông T (Bố mất năm 1981, mẹ mất năm 2016) nhưng ông T bà H đã sử dụng ổn định từ năm 1999 đến nay, bố mẹ đẻ ông T và các anh chị em ông T đều biết việc sử dụng đất của ông T, bà H nhưng không phản đối, không tranh chấp; ông T, bà H đã kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp nên có đủ căn cứ xác định ông T, bà H có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với hai thửa đất rừng sản xuất này; tuy nhiên do có nguồn gốc của bố mẹ ông T cho nên cần xác định ông T có công sức đóng góp nhiều hơn nên chia cho ông T 2/3 giá trị quyền sử dụng đất; về cây keo trên đất do công sức của vợ chồng làm ra nên xác định là tài sản chung vợ chồng được chia đôi về giá trị cho các bên. Tuy nhiên về hiện vật, do bà H đã được giao khối tài sản thứ nhất và bà H không có nguyện vọng sử dụng khối tài sản thứ hai và thứ ba, do đó cần giao khối tài sản thứ hai và thứ ba cho ông T là phù hợp, để các bên có thể chích chia chênh lệch tài sản cho nhau hợp lý.

Như vậy, tổng giá trị tài sản ông Hoàng Công T được hưởng sau khi chia tài sản chung của vợ chồng là: 162.816.194đồng, tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thị H được hưởng sau khi chia tài sản chung của vợ chồng là: 148.662.194đồng;

Tuy nhiên về hiện vật ông T được giao tài sản trị giá 70.530.000đồng; bà H được giao hiện vật trị giá 240.948.388đồng;

Do đó bà Nguyễn Thị H phải trích chia chênh lệch về tài sản cho ông Hoàng Công T là 92.286.000 đồng (làm tròn số);

[3]. Về chi phí tố tụng và các vấn đề khác:

Căn cứ theo khoản 3 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Căn cứ khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Công T phải chịu chi phí định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản tương ứng được chia.

[4]. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Công T phải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định tương ứng với giá trị phần tài sản mà mình được hưởng.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 147, khoản 3 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 33, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu Chia tài sản sau khi ly hôn của bà Nguyễn Thị H. Tài sản sau khi ly hôn của bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Công T được chia như sau:

1.1. Giao cho bà Nguyễn Thị H quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất có tổng giá trị là 240.948.388đồng, gồm:

- 65m² đất ở theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 045312 và 52,5m² đất trồng cây hàng năm khác theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 045311 đều do UBND huyện Yên Bình cấp ngày 05-7-2010 mang tên hộ ông Hoàng Công T - Bà Nguyễn Thị H; 33,9 m² đất trồng cây hàng năm khác liền kề nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Có đặc điểm như sau: Phía Đông Bắc: giáp hộ Hoàng Công T; phía Đông Nam: giáp hộ ông Hoàng Công T; phía Tây Nam: giáp hộ ông Nguyễn Hữu T; phía Tây Bắc: giáp đường giao thông 7C (thị trấn Yên Bình đi Tân Thịnh). (Có sơ đồ kèm theo);

- Toàn bộ tài sản (có trên các diện tích đất bà được giao nên trên) gồm 01 nhà xây cấp 4, 01 bếp, công trình phụ.

1.2. Giao cho ông Hoàng Công T quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất có tổng giá trị là 70.530.000đồng, gồm:

-Diện tích 1.461,8m² nằm trong giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 415668 vào sổ cấp giấy số: CH 00203; theo Quyết định số: 864/QĐ- UBH ngày 31-12-2009 mang tên hộ ông Hoàng Công T - Bà Nguyễn Thị H, tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 01, đất rừng sản xuất, có địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Có đặc điểm như sau: Phía Đông Bắc: giáp hộ Nguyễn Văn H; phía Đông Nam: giáp hộ ông Hoàng Công T; phía Tây Nam: giáp hộ ông Hoàng Đình T; phía Tây Bắc: giáp hộ ông Hoàng Duy N cùng tài sản trên đất. (Có sơ đồ kèm theo) và toàn bộ tài sản có trên diện tích đất này;

-Diện tích 1.369m² nằm trong giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 415 678, vào sổ cấp giấy số: CH 00202 theo Quyết định cấp đất số: 864/QĐ-UBH do UBND huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái cấp ngày 31-12-2009 mang tên hộ ông Hoàng Công T - Bà Nguyễn Thị H, có địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Có đặc điểm như sau: Phía Bắc: Giáp hộ ông Trương Quang S; phía Đông Bắc: giáp hộ ông Nguyễn Văn T; phía Đông Nam: giáp hộ ông Lương Văn H; phía Nam: giáp hộ ông Hoàng Công T; phía Tây Nam: giáp hộ ông Nguyễn Mạnh H; ở giữa 2/3 thửa đất có hành lang đường điện 110Kv và 01 cột điện cao thế cùng tài sản trên đất (Có sơ đồ kèm theo) và toàn bộ tài sản có trên diện tích đất này.

1.3. Bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông Hoàng Công T số tiền chênh lệch sau khi phân chia tài sản là 92.286.000đồng.

2. Về chi phí tố tụng khác:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 1.790.000đồng. (Xác nhận bà H đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ).

Bà Nguyễn Thị H phải chịu chi phí định giá tài sản với số tiền là 1.861.000đồng (Xác nhận bà đã nộp đủ chi phí định giá tài sản), ông Hoàng Công T phải chịu chi phí định giá tài sản với số tiền là 2.039.000đồng.

Do bà H đã nộp toàn bộ số tiền chi phí định giá tài sản nên ông T phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.039.000đồng.

3. Về lãi suất thi hành án:

Đối với số tiền chênh lệch sau khi chia tài sản và số tiền chi phí định giá tài sản. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 7.433.109 đồng tiền án phí chia tài sản chung của vợ chồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung của vợ chồng là 7.750.000 đồng mà bà đã nộp tại biên lai thu tiền số: AA/2017/0006949 ngày 17-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Bà H được hoàn lại số tiền 316.000 đồng tiền án phí chia tài sản chung của vợ chồng.

Ông Hoàng Công T phải chịu 8.140.809 đồng tiền án phí chia tài sản chung của vợ chồng.

5. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Hoàng Công T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình.
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình.
- Các đương sự;
- Lưu HS; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Tiến Phúc